

**BÁO CÁO****Kết quả giám sát tình hình thực hiện  
Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ  
về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020**

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2017; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thành lập Đoàn giám sát kết quả phát triển doanh nghiệp theo Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 (Nghị quyết 35).

Ngày 25 tháng 4 năm 2017, Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh (Đoàn giám sát) đã ban hành Kế hoạch số 223/KH-ĐGS về giám sát kết quả phát triển doanh nghiệp theo Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bến Tre, theo đó, trong tháng 8 và tháng 9 năm 2017, Đoàn giám sát đã tổ chức tiếp xúc với một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, khảo sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết 35 tại huyện Châu Thành, Bình Đại, Thành phố Bến Tre và làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở ngành tỉnh có liên quan. Căn cứ kết quả khảo sát, làm việc với các cơ quan chức năng, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết 35 trên địa bàn tỉnh như sau:

**I. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện****1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện**

Thực hiện Nghị quyết 35 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động số 4179/CTr-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ; đồng thời ban hành Công văn số 4743/UBND-TCĐT ngày 24 tháng 8 năm 2016 chỉ đạo các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cụ thể hóa thực hiện nội dung cam kết với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) theo Bản cam kết giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre với VCCI về việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

Đối với các sở, ngành tỉnh và các huyện, thành phố: đa số các cơ quan, địa phương có xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ (riêng Thành phố Bến Tre triển khai trực tiếp Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. **Công tác tuyên truyền về Nghị quyết:** được các sở, ngành tỉnh và các huyện, thành phố quan tâm tổ chức thực hiện bằng các hình thức đa dạng như: tuyên truyền trên Đài Phát thanh Truyền hình, Báo Đồng Khởi, Đài Truyền thanh cấp huyện, xã; thành lập và công bố đường dây nóng để hướng dẫn, giải đáp những vướng mắc của doanh nghiệp; thành lập Tổ tư vấn phát triển doanh nghiệp; phát hành các tờ rơi tuyên truyền.

## **II. Những kết quả đạt được trong thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp:**

Qua 01 năm triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp của các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh, Đoàn giám sát thống nhất đánh giá những kết quả đạt được như sau:

### **1. Cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp**

a) Công tác cải cách hành chính thường xuyên được quan tâm chỉ đạo thực hiện, tinh thần thái độ phục vụ hỗ trợ doanh nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức thời gian qua có sự chuyển biến tích cực. Các thủ tục hành chính (TTHC) và quy trình giải quyết được công khai minh bạch, đầy đủ và kịp thời trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, các cổng thông tin điện tử thành phần; các sở, ngành, địa phương có sự phối hợp rà soát thủ tục hành chính, kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản quy định rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giảm chi phí cho doanh nghiệp. Kết quả cụ thể ở một số lĩnh vực:

- Về đăng ký doanh nghiệp: đã rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp xuống còn 1-2 ngày (thời gian qui định là 03 ngày), Quyết định chủ trương đầu tư từ 35 ngày xuống còn 22 ngày (giảm 13 ngày); đơn giản hóa 05 thủ tục về giải thể doanh nghiệp; Quyết định chủ trương đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư; điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hiện nay đối với đăng ký doanh nghiệp: 32 TTHC; đăng ký đầu tư: 28 TTHC).

- Lĩnh vực công thương: đơn giản hóa 06 TTHC (theo Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh) gồm các nội dung: Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ (02 TTHC), giảm phí (03 TTHC), bỏ một số thành phần hồ sơ, bãi bỏ 01 TTHC không cần thiết.

- Lĩnh vực tiền tệ, tín dụng ngân hàng: Đơn giản hóa TTHC, rút ngắn thời gian khoảng 2/3 thời gian so với quy định trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền về tiền tệ, tín dụng ngân hàng.

- Tiếp cận đất đai: Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cho người dân chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng, các dự án phát triển nhà ở: không quá 15 ngày (trước đây là 30 ngày); thời gian đăng ký giao dịch đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là 01 ngày (trước đây là 03 ngày).

b) Việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến: Đến nay, tỉnh đã cung cấp 87 dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3 tại địa chỉ: <http://motcua.bentre.gov.vn>, để giải quyết các TTHC cho các tổ chức, cá nhân; triển khai thực hiện Hệ thống thông

tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đạt mức độ 3 và 4, đã tạo điều kiện cho việc tra cứu, lập hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm thời gian cho người dân và doanh nghiệp.

- Mô hình “một cửa”, “một cửa liên thông” theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo hướng văn minh, hiện đại, nhất là các đơn vị thường xuyên tiếp nhận, giải quyết các thủ tục của doanh nghiệp được triển khai thực hiện khá hiệu quả; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thường xuyên hộp thư điện tử công vụ đạt trên 60% và đối với cơ quan hành chính các cấp là 71%.

- Về quản lý thuế, đẩy mạnh việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và hệ thống TMS trong quản lý và giải quyết TTHC về quản lý thuế. Việc kê khai thuế điện tử đạt 98% và nộp thuế điện tử tính theo số thu ngân sách đạt 91,72%, góp phần tăng tính công khai và minh bạch về công tác quản lý nhà nước về thuế.

#### c) Về gỡ gỡ, đối thoại giải quyết những khó khăn của doanh nghiệp

Công tác gỡ gỡ, đối thoại giải quyết những khó khăn của doanh nghiệp được lãnh đạo các cấp quan tâm và thực hiện thường xuyên. Đối với cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 6281/KH-UBND, ngày 28 tháng 11 năm 2016, theo đó mỗi năm tổ chức ít nhất 04 lần họp mặt, đối thoại công khai qui mô lớn giữa lãnh đạo tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp, hàng tháng xen giữa kỳ đối thoại tổ chức Cà phê doanh nghiệp vào buổi sáng thứ 7 của tuần cuối tháng; lĩnh vực kinh tế hợp tác, định kỳ hàng năm lãnh đạo tỉnh sẽ tổ chức họp mặt, đối thoại với các Hợp tác xã, Tổ hợp tác ít nhất 02 lần/năm. Đối với các sở, ngành tỉnh thực hiện đối thoại, họp mặt theo ngành, lĩnh vực quản lý. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cũng có các kế hoạch, chương trình tiếp xúc, đối thoại riêng với doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

Bên cạnh đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên tổ chức các đoàn công tác liên ngành đến tìm hiểu tình hình hoạt động của doanh nghiệp và hướng dẫn, hỗ trợ tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Các huyện, thành phố đã tổ chức các tổ liên ngành tuyên truyền, vận động, hỗ trợ các hộ kinh doanh đủ điều kiện, năng lực hoạt động chuyển lên doanh nghiệp.

### **2. Tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

- Công tác hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, được thực hiện thường xuyên, có chú trọng đến các thị trường tiềm năng theo nhu cầu của doanh nghiệp thông qua hội chợ, hội nghị, diễn đàn, chương trình xúc tiến thương mại, chương trình khuyến công, xúc tiến đầu tư...

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp được tập trung thực hiện. Trong 9 tháng đầu năm 2017, đã tổ chức được 21 lớp đào tạo cho doanh nghiệp với hơn 850 lượt học viên tham dự, chủ yếu tập

trung vào các nội dung: kiến thức quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực, tiếp cận vốn, thị trường,...

- Các chính sách ưu đãi về tín dụng, các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp của Trung ương được các cơ quan chức năng triển khai đầy đủ. Bên cạnh đó, các sở ngành, địa phương đã tham mưu cho Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế chính sách phát triển doanh nghiệp của địa phương như: chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre<sup>1</sup>; chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng và kinh doanh kết nối hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre<sup>2</sup>; ...

- Hoạt động hỗ trợ cho hộ kinh doanh cá thể đủ điều kiện chuyển đổi lên doanh nghiệp được tập trung quyết liệt. Các địa phương đã thành lập các Đoàn, Tổ công tác liên ngành trực tiếp rà soát, lập danh sách, tiếp xúc các hộ kinh doanh cá thể đủ điều kiện để vận động chuyển lên doanh nghiệp.

*\* Một số kết quả cụ thể thực hiện Chương trình Đồng khởi khởi nghiệp, Phát triển doanh nghiệp:*

- Trung tâm Xúc tiến đầu tư và khởi nghiệp đã tư vấn, hỗ trợ cho 307 lượt cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa triển khai các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ khởi nghiệp; hỗ trợ trên 90 hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp; tư vấn, hướng dẫn 54 doanh nghiệp khởi nghiệp thành lập mới; thành lập mới 26 tổ hợp tác; phát triển mới 06 hợp tác xã; hỗ trợ 204 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia 13 sự kiện, lễ hội, hội chợ xúc tiến mở rộng thị trường trong và ngoài tỉnh...

### **3. Bảo đảm quyền kinh doanh bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp**

- Công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn được quan tâm, chất lượng cung cấp thông tin, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được cập nhật thường xuyên và kịp thời trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và của các sở ngành tỉnh liên quan, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân dễ dàng tiếp cận, nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan đến quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách, thủ tục đầu tư...

- Việc cập nhật, bổ sung, công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch về đất đai, xây dựng, môi trường, đăng ký kinh doanh đầu tư, chính sách ưu đãi tín dụng được công khai cho người dân và doanh nghiệp biết.

### **4. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp:**

Tòa án nhân dân hai cấp đã thụ lý 162 vụ án dân sự, kinh doanh thương mại có liên quan đến tài sản doanh nghiệp khởi kiện tại Tòa án, đã giải quyết xong 118 vụ, đạt tỉ lệ 72,8%, còn lại 36 vụ đang tiếp tục giải quyết. Nhìn chung, đối với các vụ án có liên quan đến tài sản doanh nghiệp khi khởi kiện đều được Tòa án nhân dân hai cấp tiếp nhận và thụ lý kịp thời, đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết, Tòa luôn tạo điều kiện thuận lợi để các bên tự thương lượng giải

<sup>1</sup> Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh

<sup>2</sup> Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh

quyết, nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí tham gia tổ tụng của các bên. Công tác thi hành án cho doanh nghiệp được Cục thi hành án dân sự tỉnh chủ động phối hợp với các ngành có liên quan thực hiện, tổng số việc phải thi hành cho doanh nghiệp đến tháng 10/2017 là 284 việc, trong đó, có điều kiện thi hành là 251 việc, đã thi hành xong 28 việc, còn 223 việc tiếp tục thi hành. Ngoài ra, hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng cũng được tổ chức thường xuyên.

### **III. Đánh giá chung:**

#### **1. Những kết quả đạt được bước đầu:**

- Về công tác triển khai thực hiện Nghị quyết 35: Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở ngành đã tích cực triển khai Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt để các sở, ngành tập trung thực hiện 04 nhóm giải pháp chủ yếu được nêu trong nghị quyết.

- Về kết quả phát triển doanh nghiệp: Đến cuối tháng 9 năm 2017, toàn tỉnh có khoảng 400 doanh nghiệp mới được thành lập, tăng 55% so cùng kỳ, vốn đăng ký ban đầu gấp 2,3 lần so cùng kỳ (với 3.307,5 tỷ/1.433 tỷ đồng). Như vậy, từ khi thực hiện Nghị quyết 35 của Chính phủ, song song với thực hiện Chương trình Đồng khởi khởi nghiệp, hộ kinh doanh, doanh nghiệp đã được hỗ trợ và phát triển khá tốt: tăng số lượng doanh nghiệp thành lập mới, tăng quy mô đầu tư của doanh nghiệp (cùng kỳ suất đầu tư khoảng 5,3 tỷ đồng/doanh nghiệp, tăng lên 6,42 tỷ đồng/doanh nghiệp). Số lượng doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ giảm dần. Doanh nghiệp ngày càng quan tâm hơn đến việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào quản lý, sản xuất, kinh doanh để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

- Về việc thực hiện 04 nhóm giải pháp: sau một năm triển khai, cùng với chương trình Đồng Khởi khởi nghiệp, việc thực hiện Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết 35 và bản cam kết với VCCI thể hiện rõ quyết tâm mạnh mẽ của chính quyền địa phương về chuyển nền hành chính từ quản lý sang phục vụ, xây dựng và kiến tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Điều này được thể hiện ở chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của Bến Tre năm 2016 đều đạt cao<sup>3</sup>. Một số việc tỉnh đã làm tốt được cộng đồng doanh nghiệp, người dân và các chuyên gia đánh giá cao thông qua chỉ số PCI và PAPI là: thiết chế pháp lý (xếp hạng 1/63), chi phí không chính thức (xếp hạng 3/63), chi phí thời gian (xếp hạng 6/63), kiểm soát tham nhũng trong khu vực công (xếp hạng 3/63); thủ tục hành chính công (xếp hạng 4/63); trách nhiệm giải trình với người dân (xếp hạng 6/63), cung ứng dịch vụ công (xếp hạng 12/63)...

- Chương trình Đồng Khởi khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp của tỉnh bước đầu nhận được sự đồng tình, ủng hộ của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, sự chú ý và hỗ trợ nhiệt tình của cộng đồng khởi nghiệp, của các chuyên gia, của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương.

<sup>3</sup> Chỉ số PCI của tỉnh Bến Tre xếp thứ hạng 12/63 tỉnh/thành phố; 4/13 tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (sau các tỉnh, thành phố: Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ). Chỉ số PAPI xếp thứ hạng 6/63 tỉnh, thành phố, nằm trong nhóm 16 tỉnh đạt điểm cao nhất (có 3 tỉnh ở đồng bằng Sông Cửu Long: Cần Thơ, Bến Tre, Đồng Tháp); tăng 10 bậc so với năm 2015

## 2. Những tồn tại, hạn chế:

- Việc chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể lên doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, đa số hộ vẫn còn ngại ngại chưa muốn chuyển lên doanh nghiệp do ngại phải đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, phải có kế toán, có hóa đơn đầu vào đầu ra, phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động....

- Về đất đai: hiện tại tỉnh chưa có quỹ đất sạch để thu hút đầu tư; một số cụm công nghiệp được quy hoạch thì chưa giải phóng mặt bằng, một số nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội đầu tư nhưng ngại giải phóng mặt bằng làm tăng chi phí nên không chọn thực hiện dự án tại Bến Tre. Một số nhà đầu tư mua đất của dân, sau đó, xin chuyển mục đích sử dụng đất gặp khó khăn do đất không nằm trong quy hoạch sản xuất công nghiệp (thành phố Bến Tre hiện còn vướng khoảng 30 trường hợp); đồng thời vẫn còn tình trạng doanh nghiệp nhận chuyển quyền sử dụng đất của dân không đăng ký với cơ quan có thẩm quyền (các doanh nghiệp nuôi cá ở huyện Châu Thành).

- Về thủ tục hành chính: chỉ số PCI, chỉ số PAPI đều đạt khá, tuy nhiên, chỉ số thành phần về tính công khai, minh bạch chưa được người dân và doanh nghiệp đánh giá cao, riêng chỉ số PAR Index liên tục giảm trong 3 năm, năm 2016 Bến Tre xếp hạng 47/63 tỉnh, thành phố. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính trên từng lĩnh vực có được cắt giảm nhưng tổng thời gian cho một dự án từ lúc được cấp phép đầu tư đến khi chính thức đi vào hoạt động vẫn còn rất dài, trong đó, tồn nhiều thời gian nhất là thủ tục cho thuê đất, đánh giá tác động môi trường và phòng cháy chữa cháy.

- Về việc tiếp cận bình đẳng các nguồn lực và cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn chưa được đảm bảo. Công tác tổ chức cho các doanh nghiệp đấu thầu, nhất là đấu thầu xây dựng trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn còn có biểu hiện thiếu minh bạch, chưa bảo đảm tính cạnh tranh bình đẳng. Theo điều tra khảo sát năm 2016 của các chỉ số PCI, PAPI, PAR Index, kết quả các chỉ tiêu thành phần cho thấy có 48% doanh nghiệp cho rằng tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân; có 73% doanh nghiệp đánh giá việc ký kết các hợp đồng đất đai và các nguồn lực kinh tế khác được ưu tiên cho các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh. Việc tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ khoa học công nghệ còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

- Hệ thống chính sách chưa đồng bộ, du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn nhưng chưa có chính sách ưu đãi đặc thù nào cho doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực này. Chưa có chính sách ưu tiên thu hút, phát triển doanh nghiệp công nghệ cao.

- Việc phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng đối với doanh nghiệp chưa tốt, theo phản ánh của doanh nghiệp vẫn còn sự trùng lặp, nhất là đối với các doanh nghiệp hoạt động nhiều ngành nghề, lĩnh vực.

- Một số cơ chế, chính sách của tỉnh về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nhưng việc triển khai thực hiện ở các địa phương còn chậm như: Nghị quyết số

17/2015/NQ-HĐND ngày 4 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ, phát triển HTX, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản gắn với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Việc chậm triển khai các cơ chế, chính sách này đã ảnh hưởng đến việc mời gọi doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm xã hội, đạo đức kinh doanh của một bộ phận doanh nghiệp vẫn còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp chiếm dụng tiền đóng bảo hiểm xã hội của người lao động trong thời gian dài, làm thiệt hại đến quyền lợi của người lao động, chưa thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế, sản xuất kinh doanh còn gây ô nhiễm môi trường, báo cáo tài chính không minh bạch (báo cáo với Ngân hàng khác với báo cáo kê khai thuế...). Một vài doanh nghiệp khởi nghiệp chưa có tính chủ động, sáng tạo, còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.

- Việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp trên thực tế gặp nhiều khó khăn, việc xét xử, thi hành án, cưỡng chế, kê biên, bán đấu giá tài sản nhiều trường hợp gặp sự chống đối quyết liệt của người phải thi hành án, sự bất hợp tác của người có quyền lợi liên quan (hàng xóm không chịu ký giáp ranh khi đo đạc, kê biên) hoặc do sai sót của hai bên khi ký kết hợp đồng giao dịch... Một số trường hợp kéo dài ảnh hưởng đến quyền lợi của doanh nghiệp.

### **3. Nguyên nhân:**

- *Về khách quan:* sức thu hút, hấp dẫn nhà đầu tư của tỉnh chưa cao do môi trường đầu tư kinh doanh chưa đồng bộ, đặc biệt là thiếu quỹ đất sạch kêu gọi đầu tư, cơ sở hạ tầng giao thông, điện, nước sạch, xử lý rác thải... ở nhiều địa phương vẫn còn khó khăn chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- *Về chủ quan:* công tác tuyên truyền chưa sâu rộng, người dân, hộ kinh doanh cá thể và doanh nghiệp vẫn chưa biết về Nghị quyết 35 cũng như các chính sách hỗ trợ của tỉnh. Có tình trạng “trên nóng, dưới lạnh” khi Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo khá quyết liệt nhưng công tác tổ chức triển khai thực hiện một số ngành và cấp huyện vẫn còn chậm.

## **IV. Đề xuất, kiến nghị:**

### **1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh:**

- Chỉ đạo các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Chương trình hành động của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP. Chỉ đạo các sở, ngành được giao nhiệm vụ trong Chương trình hành động và cam kết của UBND tỉnh với VCCI phải xây dựng kế hoạch thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ được giao.

- Sớm quyết định thành lập Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 111 Luật Đất đai<sup>4</sup>, nhằm tạo điều kiện chủ động phát triển quỹ đất sạch thu hút đầu tư.

- Rà soát các cơ chế, chính sách đã ban hành về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp để kiến nghị các cơ quan trung ương bổ sung các chính sách còn thiếu, sửa đổi các chính sách chưa đồng bộ, còn vướng mắc, nhất là chính sách, thủ tục trên lĩnh vực đất đai và việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực. Nghiên cứu xây dựng chính sách ưu đãi doanh nghiệp đầu tư phát triển các lĩnh vực du lịch và thu hút, phát triển doanh nghiệp công nghệ cao.

- Chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về đấu thầu trên tất cả các lĩnh vực, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, tạo điều kiện cho doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng. Nghiên cứu tăng cường quỹ phát triển khoa học công nghệ hàng năm để đáp ứng nhu cầu hỗ trợ đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp.

- Chỉ đạo các sở ngành tỉnh, UBND các huyện thành phố tập trung triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 17/2015/NQ-HĐND, Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Chỉ đạo các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra tăng cường công tác phối hợp thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, quy định thanh tra, kiểm tra không quá một lần/doanh nghiệp/năm.

- Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thành phố rà soát giải quyết sớm tình trạng doanh nghiệp nhận chuyển quyền sử dụng đất của dân không đăng ký với cơ quan có thẩm quyền và các trường hợp doanh nghiệp xin chuyển mục đích sử dụng đất gặp khó khăn do đất không nằm trong quy hoạch sản xuất công nghiệp.

- Duy trì và đổi mới các hình thức tiếp xúc, đối thoại giữa lãnh đạo địa phương với cộng đồng doanh nghiệp. Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng về Nghị quyết số 35/NQ-CP và các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp của tỉnh đến người dân, hộ kinh doanh và doanh nghiệp.

- Tăng cường giáo dục, tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm xã hội của doanh nhân, đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về lao động, kinh doanh, vi phạm nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.

## **2. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh:**

Hàng năm, xem xét phân bổ ngân sách để có nguồn tài chính thành lập Quỹ phát triển đất của địa phương, từ đó có quỹ đất sạch phục vụ doanh nghiệp đầu tư.

---

<sup>4</sup> Điều 111. Quỹ phát triển đất: Quỹ phát triển đất của địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển, quỹ tài chính khác của địa phương để ứng vốn cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Nguồn tài chính của Quỹ phát triển đất được phân bổ từ ngân sách nhà nước và huy động các nguồn khác theo quy định của pháp luật.



**3. Đối với Cục Thi hành án dân sự tỉnh:** tăng cường phối hợp với các cơ quan có liên quan đẩy nhanh tiến độ thi hành án đối với 223 việc án có điều kiện nhưng chưa thi hành để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp.

**4. Thủ trưởng sở, ban ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố:**

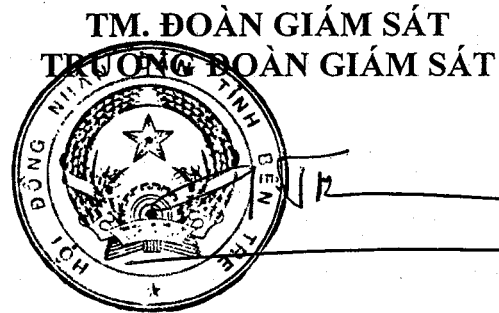
- Tiếp tục chỉ đạo ngành, địa phương mình quản lý đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, công khai, minh bạch về các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch sử dụng đất của địa phương để doanh nghiệp biết, tránh tình trạng doanh nghiệp mua và sử dụng đất không đúng quy hoạch.

- Nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức, thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát, kiên quyết chống tham nhũng, phát hiện và xử lý nghiêm cán bộ, công chức có hành vi sai trái, những nhiễu, gây phiền hà cho doanh nghiệp, thực hiện việc luân chuyển cán bộ làm việc ở những lĩnh vực nhạy cảm để phát sinh tiêu cực theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Đoàn giám sát báo cáo đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành có liên quan để thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- TT.HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các sở, ngành thực hiện NQ;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP HĐND tỉnh (02 bản);
- Phòng TH, VPHĐND tỉnh (07b);
- Lưu: VT. *vt*



**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH  
Huỳnh Quang Triệu**

